

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CTK3	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
2		PVD2+PPD+P7	7:25	14+8+0	0+0+0		5+3+14	0+0+0	
3		TD2+P5	7:25	19+2	0+0		15+2	0+0	
4		T.UNG	7:30	17	0		14	0	
5		AMD+P4	9:25	18+0	0+0		17+5	0+0	
6		JS2+BK3+PPD	9:25	4+4+14	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
7		CTK3+TD1	9:25	15+7	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THAN	TD3	36	1	8		60	NHA THAU	Vietnamese
2	HUYNH VAN AN	TD3	34	1	5		56	NHA THAU	Vietnamese
3	HUYNH XUAN QUANG	TD3	35	1	5		53	NHA THAU	Vietnamese
4	TRAN VAN LAM	TD3	33	1	5		50	NHA THAU	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CONG	TD3	37	1	5		49	NHA THAU	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THANG	CTK3	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM MINH TOAN	CTK3	29	1	5		57	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM THANH HAI	CTK3	26	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG HA	CTK3	23	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TO TRONG TUAN	CTK3	24	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	LE XUAN DAT	CTK3	21-22	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DAN	CTK3	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH DAO	CTK3	34	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN TRUC	CTK3	28	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TIEN PHUONG	CTK3	27	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	32	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	37	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO VAN MINH	CTK3	30-31	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
20	CKRIPLOV	CTK3	25	1	9		82	KH-THAC	Russian
21	PHAM BA HOANG	CTK3	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	5	28	268	0	5		
2	CTK3	16	17	79	1.116	0	17		
TOTAL		21	22	107	1.384	0	22		
WEIGHT KG				107	1.384	0			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: PVD2 - PPD - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - DTùng	ETA: 09:15
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUÝ TÂN	PVD2	95-96	2	17		70	ĐANG KIEM	Vietnamese
2	TONG VAN THE	PVD2	86	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
3	GUPTA DHAVAL	PVD2	90-91	2	17		108	KHOAN	Indian
4	BONNIE MURZELLO	PVD2	88-89	2	15	60	80	KHOAN	Indian
5	ĐINH QUANG CHIEN	PVD2	87	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HUY QUANG	PVD2	74-76	3	17		82	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM NGOC CHAU	PVD2	77-78	2	17		64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC NGHIA	PVD2	79-80	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM THAI BAO	PVD2	72-73	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PVD2	84	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LIÊU	PVD2	81	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUAN	PVD2	82	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HÀ	PVD2	83	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN HẠNH	PVD2	85	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	PIATOV	PPD	21	1	5		90	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	25	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	26	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	23	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HẢI	PPD	27	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VÕ MẬU MẾN	PPD	24	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	22	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	22	159	1.024	60	5		
2	PPD	8	7	36	563	0	3		
3	P7	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		22	29	195	1.587	60	22		
WEIGHT KG				195	1.587	60			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: TD2 - P5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHMai - HTNam -	ETA: 09:20
TRANG-1		thông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO XUÂN VANG	TD2				60	85	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LONG	TD2	78	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN LOI	TD2	73	1	5		74	YTE	Vietnamese
4	HOANG VAN KHAI	TD2	88	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	LE TUAN NGHIA	TD2	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	VU ĐỨC THANH	TD2	76	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
7	VU THAP TOAN	TD2	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NAM	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ĐỨC THÂN	TD2	83	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TAI	TD2	79	1	3		51	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	87	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DUẬN	TD2	72	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TUAN LONG	TD2	77	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	75	1	11		84	DVL	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD2	80-81	2	15		85	DVL	Vietnamese
16	LƯU BA XÔ	TD2	89-90	2	10		76	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐUNG	TD2	74	1	14		55	DVL	Vietnamese
18	HOANG MANH HUNG	TD2	82	1	3		85	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN ANH ĐỨC	TD2	84	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	P5	30	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
21	VU QUANG DUONG	P5	31	1	5	50	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	19	117	1.324	60	19		
2	P5	2	2	19	138	50	2		
TOTAL		21	21	136	1.462	110	21		
WEIGHT KG				136	1.462	110			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:27
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MTiên - Toàn	ETA: 10:35
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VAN MINH TAN	BK THIE	75	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM QUANG QUY	BK THIE	76	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
3	VU XUAN THANH	BK THIE	71-72	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TRAN SON	BK THIE	68	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC TOAN	BK THIE	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	VO CHIEN THANG	BK THIE	73	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐUC BINH	BK THIE	84	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN THUY	BK THIE	75	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC HIEU	BK THIE	78	1	7	130	70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN TOAN	BK THIE	79-80	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐẠI NGHĨA	BK THIE	82-83	2	15	14	53	KH-THAC	Vietnamese
12	NONG MINH HAI	BK THIE	81	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN HOA	BK THIE					67	PSV	Vietnamese
14	HO VAN TINH	BK THIE					55	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	74	1	3		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	69	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	LUONG CONG DAT	BK THIE	77	1	7		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	17	18	108	1.096	144	14		
	TOTAL	17	18	108	1.096	144	14		
	WEIGHT KG			108	1.096	144			

GRAND TOAL: 1.348 KGS (tháo 02 ghế để chơ' hàng)

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RASHID KIRSI MIRZA	AMD	68-69	2	13	70	82	KH-THAC	Indian
2	PHAM TUAN HA	AMD	79	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	62	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THUY	AMD	72	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	AMD	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH HỮU TINH	AMD	76	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	63	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LAM	AMD	77	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUAN ĐỨC	AMD	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	75	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU CUONG	AMD	64	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN DUNG	AMD	65-67	3	19		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TAM	AMD	59	1	6		45	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO THANH SẮC	AMD	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VIỆT DUNG	AMD	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN PHONG	AMD	78	1	6		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	21	128	1.275	70	17		
2	P4	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	21	128	1.275	70	22		
WEIGHT KG				128	1.275	70			

GRAND TOAL: 1.473 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: JS2 - BK3 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TU ĐỘ	JS2	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	06	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ THANH THAI	JS2	07-08	2	15		96	KHOAN	Vietnamese
4	NAJME	JS2	09-10	2	17		50	KHOAN	Indonesian
5	BUI ĐỨC TUYẾN	BK3	70-71	2	12		76	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM MINH VŨ	BK3	72-73	2	15	43	75	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC TUẤN ANH	BK3	68	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM HOANG TÙNG	BK3	69	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	PPD	34	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	38	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	PPD	30	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	31	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ HIỀN THANH	PPD	33	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	32	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN BA	PPD	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	35-36	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	41	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DUƠNG TÙNG HUYNH	PPD	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	37	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	FIRSOV	PPD	28-29	2	12		96	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	6	44	286	0	0		
2	BK3	4	6	44	296	43	0		
3	PPD	13	14	77	924	30	22		
TOTAL		21	26	165	1.506	73	22		
WEIGHT KG				165	1.506	73			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL
PAX
CARGO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2018	TO: CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHai - HTNam -	ETA: 11:20
VANG-2		thông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	39	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	40	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	41	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	44	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THANH HOẠT	CTK3	48	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH KHOAT	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	50	1	4	32	70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	52	1	13		55	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	49	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY TUẤN	CTK3	47	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	46	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3	42	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	51	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM MẠNH THƯỜNG	CTK3	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BÀU	CTK3	43	1	7		60	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM THAI	TD1	55	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	TD1	54	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUY HOÀNG	TD1	56	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU TRUNG	TD1	52	1	7	95	70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	TD1	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUYẾT	TD1	57	1	5		62	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỒNG	TD1	64	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	14	94	1.018	32	14		
2	TD1	7	7	38	463	95	8		
TOTAL		22	21	132	1.481	127	22		
WEIGHT KG				132	1.481	127			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN